

KẾ HOẠCH
Triển khai dự án Quốc gia Tiêm chủng mở rộng
huyện Mèo Vạc năm 2019

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG 2018

1. Kết quả

1.1. Về phạm vi và nhân lực tiêm chủng

- Năm 2018, dự án tiêm chủng mở rộng (TCMR) được duy trì trên địa bàn toàn huyện tại 199 thôn bản thuộc 18 xã, thị trấn gồm 86 điểm tiêm chủng, trong đó 18 điểm tiêm tại Trạm Y tế và 68 điểm tiêm ngoài trạm.

- Về nhân lực hoạt động tiêm chủng mở rộng tuyển xã 98 người, hầu hết cán bộ tham gia tiêm chủng đã được tập huấn về thực hành tiêm chủng.

2. Kết quả tiêm chủng

2.1. Tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi:

- Tiêm vắc xin phòng viêm gan B sơ sinh: 473/1618 trẻ; đạt 29%
- Tiêm chủng đầy đủ: 1565/1618 trẻ; đạt 96,7%

2.2 Tiêm chủng cho trẻ 18 tháng:

- Tiêm sởi 2 hoặc MR: 1360/1628 trẻ; đạt: 83,54 %
- Tiêm DPT4: 1375/1628 trẻ, đạt: 84,46 %

2.3. Tiêm vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản cho trẻ 1 - 5 tuổi:

- Tiêm đủ liều sơ chủng (M1&2): 2635/2740 trẻ, đạt. 96,2 %
- Tiêm liều tái chủng (M3): 2066/2131 trẻ, đạt 96,9%

2.4. Tiêm vắc xin phòng uốn ván cho phụ nữ:

- Tiêm UV2+ cho PNCT: 1482/1578 PN; đạt 93,9%
- UV2 cho Nữ TSDNCC: 815/4260 PN; đạt 19,13%

3. Công tác tập huấn:

- Số lớp: 03 lớp với 98 học viên:
- Lớp 1: Quản lý phần mềm tiêm chủng 40 người.
- Lớp 2: Tập huấn lại quản lý phần mềm 18 người.
- Lớp 3; Tập huấn và giám sát các bệnh truyền nhiễm tiêm chủng mở rộng 40 người.

4. Công tác thống kê báo cáo

- Duy trì hệ thống phần mềm quản lý tiêm chủng quốc gia và tổng hợp thống kê báo cáo của các tuyến đầy đủ, đúng quy định.

5. Hoạt động khác

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, các Hội nghị do tỉnh tổ chức.

6. Công tác hậu cần

- Đáp ứng về cơ bản vắc xin và dụng cụ tiêm chủng cho tuyến cơ sở.
- Phối hợp cùng với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh sửa chữa, thay thế linh kiện tủ bảo quản vắc xin tuyến xã (Sơn Vĩ, Pả Vi, Giàng Chu Phìn, Tát Ngà, Niêm Tông, Tả Lũng, Nậm Ban).
- Cung cấp đầy đủ hệ thống sổ sách về tiêm chủng cho tuyến xã.

7. Tồn tại

- Tiến độ tiêm chủng chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra như: Tỷ lệ tiêm VGB sơ sinh đạt 29%, tỷ lệ tiêm DPT4 đạt 84,46%, tỷ lệ trẻ tiêm phòng Sởi - Rubella đạt 83,54% và tiêm UV2+ PN TSD nguy cơ cao đạt 19,13%.
- Hệ thống sổ sách, biểu mẫu, báo cáo của một số xã chưa đầy đủ và ghi chép số liệu chưa đúng theo quy định.
- Việc sắp xếp và thực hiện quy trình tiêm chủng tại một số điểm tiêm, nhất là điểm tiêm ngoài trạm chưa đầy đủ, từ khâu tư vấn, khám phân loại và theo dõi sau tiêm chủng đến quản lý đối tượng tại một số địa phương chưa sát với thực tế, việc rà soát lại đối tượng chưa kịp thời và đầy đủ.

II. Đánh giá thuận lợi khó khăn

1. Thuận lợi

- Tiêm chủng mở rộng là dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế luôn nhận được sự ủng hộ của cộng đồng và xã hội; được sự quan tâm của chính quyền địa phương các cấp; sự hỗ trợ của Sở Y tế, Trung tâm KSBT tỉnh.
- Dự án đã được triển khai trong nhiều năm, hình thành một hệ thống hoạt động đồng bộ, thường xuyên từ tuyến Trung ương đến tuyến cơ sở.
- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe không ngừng mở rộng trên hệ thống thông tin đại chúng tại các địa phương, đồng thời hiệu quả của công tác tiêm chủng trong những năm qua đối với sức khỏe cộng đồng đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân đối với công tác tiêm chủng.
- Công tác tiêm chủng thực hiện xóa bỏ xã trắng từ năm 1993 nên nhận thức người dân về tiêm chủng ngày một nâng cao.
- Trang thiết bị dây chuyền lạnh được củng cố sửa chữa và bổ xung hàng năm.

2. Khó khăn

- Mạng lưới cán bộ chuyên trách tiêm chủng thường xuyên thay đổi, năng lực quản lý phần mềm và thực hành tiêm chủng của cán bộ tuyến xã còn yếu.
- Hệ thống dây truyền lạnh, nhất là tuyến xã thiếu và một phần đã xuống cấp.
- Kinh phí cấp chậm, chi bồi dưỡng công tiêm thấp.
- Một số vắc xin có chế phẩm đóng liều cao trong mỗi lọ (10 liều và 20 liều) trong khi phải triển khai ở nhiều điểm tiêm chủng nên chưa đảm bảo được.

B. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TCMR NĂM 2019

CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ thông tư số 34/TT-BYT ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.
- Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc về Quyết định việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;
- Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-SYT ngày 28/12/2018 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang về Quyết định việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 (Lĩnh vực công tác Y tế- Dân số, chăm sóc sức khỏe);
- Căn cứ kết quả tiêm chủng mở rộng năm 2018;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao chất lượng và tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi, đảm bảo không chế hiệu quả các bệnh truyền nhiễm có vắc xin dự phòng; bảo vệ thành quả của công tác thanh toán bệnh Bại liệt và duy trì Loại trừ uốn ván sơ sinh; thực hiện các yêu cầu loại trừ bệnh sởi tại cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục củng cố và kiện toàn mạng lưới quản lý phần mềm và tổ chức triển khai TCMR các tuyến.
- Đảm bảo an toàn, chất lượng và tỷ lệ tiêm chủng mở rộng.
- Tăng cường giám sát các bệnh truyền nhiễm thuộc TCMR và phản ứng sau tiêm.
- Thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn.
- Đáp ứng đủ vắc xin, vật tư, củng cố trang thiết bị phục vụ công tác tiêm chủng tại các tuyến.
- Duy trì hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.

3. Các chỉ tiêu năm 2019

- 100% cơ sở tiêm chủng có kế hoạch và tổ chức triển khai tiêm chủng thường xuyên.

- 100% cán bộ trực tiếp tiêm chủng được tập huấn về thực hành TCMR.
- 100% điểm tiêm chủng đảm bảo đúng yêu cầu quy định.
- + 96% Trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ.
- + 60% trẻ được tiêm phòng viêm gan B trong vòng 24 giờ sau sinh.
- + 90% trẻ ra đời được đánh giá bảo vệ phòng uốn ván sơ sinh.
- + 90% trẻ đủ 18 tháng tuổi được tiêm vắc xin sởi 2 và DPT4.
- + 90% phụ nữ có thai được tiêm UV2+
- + 90% nữ tuổi sinh đẻ nguy cơ cao được tiêm UV2+.
- Tiêm chủng chiến dịch:
 - + 95% trẻ được tiêm đủ liều vắc xin phòng bệnh trong các chiến dịch tiêm chủng.
- Giám sát các bệnh truyền nhiễm trẻ em có vắc xin dự phòng:
 - + BVĐK huyện được giám sát tích cực mỗi quý một lần.
 - + 100% trường hợp chết sơ sinh, mắc sởi hoặc nghi sởi và các bệnh truyền nhiễm khác thuộc TCMR được giám sát, điều tra đầy đủ theo quy định.
 - + 100% trường hợp phản ứng sau tiêm được báo cáo, điều tra theo quy định.
 - + Đáp ứng đủ vắc xin, vật tư và kinh phí cho tổ chức triển khai công tác tiêm chủng tại cơ sở.

III. HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ NĂM 2019

1. Công tác tổ chức chỉ đạo

- Ban hành các văn bản chỉ đạo về:
 - + Lập kế hoạch tiêm chủng năm 2019 tại địa phương.
 - + Thực hiện các quy định về an toàn tiêm chủng; quản lý vắc xin, vật tư tiêm chủng, sử dụng phác đồ chống sốc phản vệ.
 - + Rà soát và sắp xếp lại các điểm tiêm chủng lưu động cho phù hợp với điều kiện về địa lý, nhân lực của địa phương và hạn chế hao phí vắc xin.
 - + Kế hoạch thay thế vắc xin Quinvaxem bằng ComBE FIVE.
 - + Thực hiện quản lý tiêm chủng trên hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.
 - + Quản lý và sử dụng vắc xin, vật tư tiêm chủng và thống kê báo cáo

2. Tổ chức tiêm chủng

2.1. Tiêm chủng thường xuyên (Mỗi tháng một lần)

- a) Phạm vi: Toàn huyện với 86 điểm tiêm chủng (gồm 18 điểm tiêm tại trạm và 68 điểm tiêm ngoài trạm).
- b) Đối tượng và vắc xin tiêm chủng

- Trẻ dưới 1 tuổi:

+ Tiêm phòng viêm gan B trong vòng 24h sau sinh tại Bệnh viện đa khoa huyện, 16 TYT các xã, thị trấn.

+ Tiêm chủng đầy đủ vắc xin tạo miễn dịch cơ bản phòng các bệnh truyền nhiễm gồm BCG; DPT-VGB-Hib; Bại liệt uống, IPV tiêm, sởi theo quy định.

- Trẻ đủ 18 tháng – 24 tháng tuổi: Tiêm 01 liều Sởi - Rubella và DPT4.

- Phụ nữ có thai: Tiêm đủ liều vắc xin phòng uốn ván cho PNCT (UV2+).

2.2. Tiêm chủng bổ sung hoặc tổ chức chiến dịch

- Thực hiện theo chỉ đạo tuyến trên.

3. Đào tạo, tập huấn

- Số lớp tập huấn: 02 lớp

- Thành phần

+ Cán bộ Trung tâm y tế tuyến huyện

+ BVĐK huyện, cán bộ PK, khoa nhi, khoa truyền nhiễm, khoa hồi sức cấp cứu và khoa sản.

+ Trạm Y tế xã, thị trấn: Cán bộ chưa được tập huấn về tiêm chủng mở rộng hoặc giấy chứng nhận quá 03 năm.

- Nội dung:

+ Quản lý, thực hành tiêm chủng và giám sát các bệnh truyền nhiễm thuộc TCMR và phản ứng sau tiêm.

- Thời gian: 03 ngày/ lớp, dự kiến thực hiện trong quý II+III/2019.

- Địa điểm: Tại hội trường Trung tâm Y tế huyện.

- Đơn vị thực hiện : Trung tâm Y tế huyện chủ trì, phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh giảng dạy và cấp giấy chứng nhận hoàn thành lớp tập huấn.

4. Truyền thông

- Cung cấp tài liệu về TCMR cho các trạm Y tế xã, thị trấn để triển khai hoạt động truyền thông về tiêm chủng mở rộng và các kế hoạch tiêm chủng bổ sung năm 2019.

- Triển khai hoạt động truyền thông hưởng ứng “Tuần lễ tiêm chủng” năm 2019. Thời gian thực hiện trong tháng 4/2019.

- Triển khai hoạt động truyền thông hưởng ứng tháng cao điểm phòng chống bệnh dại năm 2019. Thời gian thực hiện trong tháng 5/2019.

- Thực hiện các hoạt động truyền thông khác về tiêm chủng mở rộng.

5. Giám sát

5.1 Giám sát hoạt động quản lý và tổ chức thực hiện TCMR

- Tuyên huyện: Do Trung tâm Y tế thực hiện
- + Nội dung: Kiểm tra giám sát hỗ trợ công tác quản lý và tổ chức triển khai thực hiện; Phần mềm quản lý tiêm chủng quốc gia.
- + Địa điểm: Khoa sản BVĐK huyện, PKĐKKV và Trạm Y tế các xã, thị trấn.
- + Số đợt giám sát: ít nhất 3 lần/xã/năm.
- Tuyên xã: Do Ủy ban nhân dân, Trạm Y tế các xã thực hiện. Thực hiện giám sát các bệnh truyền nhiễm thuộc tiêm chủng mở rộng, các điểm tiêm chủng.

5.2. Điều tra, giám sát các bệnh truyền nhiễm thuộc tiêm chủng mở rộng

- Nội dung: Điều tra giám sát và lấy mẫu bệnh phẩm các trường hợp nghi mắc bệnh thuộc TCMR như bệnh Liệt mềm cấp, sởi/rubella, uốn ván sơ sinh, Bạch hầu, ho gà, viêm não nhật bản,....

- Trách nhiệm thực hiện: Trung tâm Y tế huyện giám sát phát hiện, điều tra và lấy mẫu bệnh phẩm ca bệnh. Mẫu bệnh phẩm cùng phiếu điều tra, phiếu xét nghiệm chuyển về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo quy định.

- Đối với giám sát chết sơ sinh: Do Trung tâm Y tế huyện thực hiện, hàng tháng gửi báo cáo và phiếu điều tra về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Còn đối với bệnh truyền nhiễm khác thuộc TCMR, Trung tâm Y tế huyện thông báo và phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện.

5.3. Giám sát phản ứng sau tiêm chủng

- Thực hiện theo quy định và báo cáo kết quả giám sát phản ứng thông thường sau thực hiện hàng tháng từ tuyến xã đến tuyến huyện.

- Khi có trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng cần báo cáo ngay cho hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá phản ứng nặng sau tiêm chủng tuyến tỉnh để phối hợp hoạt động đáp ứng theo quy định.

6. Tiếp nhận và vận chuyển vắc xin, vật tư

6.1. Tiếp nhận vắc xin

- Trung tâm Y tế huyện tiếp nhận vắc xin do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chuyển đến vào ngày 03 hàng tháng.

- Riêng vắc xin, vật tư trong các chiến dịch tiêm chủng sẽ nhận theo kế hoạch.

6.2. Vận chuyển vắc xin

- Trung tâm Y tế huyện vận chuyển vắc xin cho các xã, gồm:

+ Các xã: Sơn Vĩ, Xín Cái, Thượng Phùng, Khâu Vai, Lũng Pù, Cán Chu Phìn, Giàng Chu Phìn; ngày 05 hàng tháng.

+ Các xã: Tả Lũng, Sủng Trà, Sủng Máng, Lũng Chinh, Nậm Ban, Tát Ngà, Niêm Sơn, Niêm Tòng, Pải Lũng; ngày 06 hàng tháng.

- Nếu thay đổi lịch vận chuyển vắc xin của tháng nào, Trung tâm Y tế huyện sẽ thông báo cho các xã biết.

7. Công tác thông kê, báo cáo

- Thực hiện công tác thông kê báo cáo trên hệ thống phần mềm quản lý tiêm chủng quốc gia tại tất cả các xã.

- Tiếp tục duy trì và lưu trữ đầy đủ hệ thống sổ sách, biểu mẫu báo cáo hệ thống báo cáo thông kê tiêm chủng bằng văn bản theo quy định của Dự án tiêm chủng quốc gia, bao gồm:

+ Báo cáo kết quả tiêm chủng trẻ em (Gồm miễn dịch cơ bản cho trẻ dưới 1 tuổi và tiêm chủng cho trẻ 18 tháng tuổi).

+ Báo cáo tình hình sử dụng vắc xin, vật tư tiêm chủng.

+ Báo cáo phản ứng thông thường sau tiêm chủng.

+ Báo cáo tai biến nặng sau tiêm chủng.

+ Báo cáo tình hình bệnh truyền nhiễm trẻ em.

- Trong trường hợp đột xuất cần báo cáo bằng điện thoại sau đó báo cáo bằng văn bản

- Thời hạn gửi báo cáo

- Tuyên xã gửi Trung tâm Y tế tuyến huyện trong ngày giao ban hàng tháng.

- Trung tâm y tế huyện gửi về Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh trước ngày 05 hàng tháng.

Lưu ý: Các báo cáo như phản ứng nặng sau tiêm ; ca chết sơ sinh nghi UVSS; LMC, ca bệnh nghi sởi cần báo ngay sau khi có thông báo ca bệnh.

8. Các hoạt động khác

- Tham gia tập huấn, hội nghị do tỉnh tổ chức.

- In ấn tài liệu, sổ sách, biểu mẫu cung cấp cho tuyến cơ sở.

- Kiểm tra, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí năm 2019.

IV. KẾ HOẠCH VẮC XIN, VẬT TƯ, KINH PHÍ NĂM 2019

1. Vắc xin

- Vắc xin Viêm gan B: 2.820 liều.

- Vắc xin BCG: 2.820 liều.

- Vắc xin Hib: 8.200 liều.

- Vắc xin phòng bại liệt: 8.380 liều.

- Vắc xin phòng Sởi: 2.820 liều.

- Vắc xin phòng Sởi-Rubella: 3.080 liều.

- Vắc xin DPT: 3.080 liều.

- Vắc xin phòng uốn ván: 8.380 liều.

- Vắc xin Viêm não Nhật bản: 12.070

2. Vật tư tiêm chủng

a) Vật tư, dụng cụ tiêm chủng

- Bơm kim tiêm 0,5 ml: 43.206 (cái)
- Bơm kim tiêm BCG 0,1ml: 2.737 (cái)
- Bơm kim tiêm 1 ml: 0 (cái)
- Bơm kim tiêm 5 ml: 2.079 (cái)
- Hộp an toàn: 479 (hộp)
- Bông: 36 (kg)
- Cồn: 72 (lít)

b, Hệ thống sổ quản lý, biểu mẫu, tài liệu:

- | | |
|--|------------|
| - Sổ tiêm chủng trẻ em | 54 quyển |
| - Sổ tiêm vắc xin phòng uốn ván phụ nữ | 54 quyển |
| - Sổ tiêm vắc xin Viêm não Nhật bản | 18 quyển |
| - Sổ tiêm chủng cá nhân | 1835 quyển |
| - Sổ theo dõi bệnh nhân nghi sởi | 18 quyển |
| - Sổ quản lý sử dụng vắc xin, vật tư tuyến huyện | 01 quyển |
| - Sổ quản lý sử dụng vắc xin, vật tư tuyến xã | 18 quyển |
| - Sổ theo dõi liệt mềm cấp | 18 quyển |
| - Sổ theo dõi phản ứng sau tiêm chủng | 18 quyển |

c) Hệ thống dây chuyền lạnh và dụng cụ bảo quản vắc xin: Trang thiết bị bổ sung theo kế hoạch của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh.

3. Kinh phí: 34.768.000 VNĐ (Ba mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Tập huấn cho cán bộ tuyến xã: 10.000.000 VNĐ.
- Giám sát: 9.000.000 VNĐ.
- Vận chuyển vắc xin: 15.768.000 VNĐ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Khoa KSDB-HIV/AIDS

- Hướng dẫn các Trạm Y tế xã và Phòng khám ĐKKV lập kế hoạch và tổ chức triển khai tiêm chủng mở rộng thường xuyên tại địa phương đảm bảo các quy định an toàn tiêm chủng.

- Phối hợp với BVĐK huyện, tổ chức triển khai hoạt động tiêm viêm gan B sơ sinh tại bệnh viện; giám sát phát hiện, điều tra và xử trí các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng, nghi mắc bệnh truyền nhiễm thuộc TCMR.

- Đảm bảo đủ vắc xin, vật tư, kinh phí đáp ứng cho triển khai tiêm TCMR tiếp nhận, vận chuyển vắc xin, dụng cụ tiêm chủng cho các xã.

- Triển khai kiểm tra giám sát hoạt động tổ chức và thực hiện công tác TCMR, bảo quản vắc xin và thực hiện quy trình tiêm chủng an toàn.

- Tham gia và phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về thực hành tiêm chủng và vắc xin.

- Tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức triển khai công tác TCMR theo quy định.

2. Phòng TTg GDSK

- Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông về TCMR. Tập trung đưa thông tin đến vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Giám sát, hỗ trợ các Trạm Y tế xã, thị trấn, PKĐKKV triển khai công tác truyền thông, tuần lễ tiêm chủng, tháng hành động phòng chống bệnh dại.

3. Trạm Y tế các xã, thị trấn, PKĐKKV

- Lập Kế hoạch triển khai công tác tiêm chủng mở rộng năm 2019.

- Tổ chức triển khai các hoạt động tiêm chủng an toàn trên địa bàn quản lý.

- Tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức triển khai công tác TCMR theo quy định.

Trên đây là kế hoạch triển khai công tác tiêm chủng mở rộng của Trung tâm y tế huyện Mèo Vạc năm 2019. Trong quá trình triển khai căn cứ vào sự chỉ đạo của tuyến trên, tình hình dịch bệnh và tiến độ triển khai tiêm chủng tại địa phương để có những điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Phòng y tế
- 16 TYT các xã, thị trấn;
- 02 PKĐKKV;
- Các khoa phòng liên quan;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Cao Tài

PHẠM VI ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG NĂM 2019

Phụ lục 1

| TT | Xã, phường thị trấn | Số huyện miền núi | Số xã miền núi đặc biệt khó khăn | Dân số | Trẻ < 1 tuổi | | Phụ nữ có thai | | Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-5 tuổi) | | | | Trẻ 18 tháng | |
|------------------|------------------------|----------------------------|--|---------------|-----------------------|--|----------------|--|---|--|-------------------------|--|-----------------------|--|
| | | | | | Số trẻ < 1 tuổi | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn * | Số PNCT | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn * | Số trẻ tiêm 2 mũi | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn * | Số trẻ tiêm 3 mũi | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn * | Số trẻ 18 tháng | Trong đó số đối tượng vùng khó khăn * |
| 1 | TT Mèo Vạc | 1 | 0 | 5,952 | 148 | 0 | 148 | 0 | 206 | 0 | 301 | 0 | 202 | 0 |
| 2 | Pả Vi | 1 | 1 | 2,988 | 75 | 75 | 75 | 75 | 95 | 95 | 181 | 180 | 87 | 87 |
| 3 | Tả Lùng | 1 | 1 | 2,873 | 73 | 73 | 73 | 73 | 90 | 90 | 152 | 167 | 87 | 87 |
| 4 | Sùng Trà | 1 | 1 | 4,181 | 84 | 84 | 84 | 84 | 106 | 106 | 181 | 166 | 104 | 104 |
| 5 | Sùng Máng | 1 | 1 | 2,926 | 64 | 64 | 64 | 64 | 59 | 59 | 146 | 177 | 54 | 54 |
| 6 | Lũng Chinh | 1 | 1 | 3,754 | 79 | 79 | 79 | 79 | 99 | 99 | 198 | 200 | 94 | 94 |
| 7 | Giàng Chu Phìn | 1 | 1 | 4,889 | 98 | 98 | 98 | 98 | 126 | 126 | 179 | 254 | 118 | 118 |
| 8 | Cán Chu Phìn | 1 | 1 | 6,293 | 127 | 127 | 127 | 127 | 142 | 142 | 234 | 305 | 139 | 139 |
| 9 | Lũng pù | 1 | 1 | 5,478 | 135 | 135 | 135 | 135 | 173 | 173 | 291 | 274 | 165 | 165 |
| 10 | Khâu Vai | 1 | 1 | 7,108 | 143 | 143 | 143 | 143 | 147 | 147 | 326 | 320 | 141 | 141 |
| 11 | Nậm Ban | 1 | 1 | 3,632 | 73 | 73 | 73 | 73 | 57 | 57 | 134 | 172 | 55 | 55 |
| 12 | Niêm Sơn | 1 | 1 | 4,989 | 101 | 101 | 101 | 101 | 116 | 116 | 239 | 339 | 110 | 110 |
| 13 | Niêm Tòng | 1 | 1 | 5,460 | 110 | 110 | 110 | 110 | 108 | 108 | 218 | 302 | 105 | 105 |
| 14 | Tát Ngà | 1 | 1 | 4,172 | 85 | 85 | 85 | 85 | 80 | 80 | 225 | 233 | 73 | 73 |
| 15 | Sơn Vĩ | 1 | 1 | 6,572 | 132 | 132 | 132 | 132 | 103 | 103 | 330 | 350 | 96 | 96 |
| 16 | Xín Cái | 1 | 1 | 5,427 | 112 | 112 | 112 | 112 | 108 | 108 | 290 | 324 | 101 | 101 |
| 17 | Thượng Phùng | 1 | 1 | 4,568 | 101 | 101 | 101 | 101 | 91 | 91 | 167 | 271 | 90 | 90 |
| 18 | Pải Lùng | 1 | 1 | 3,190 | 81 | 81 | 81 | 81 | 104 | 104 | 189 | 177 | 99 | 99 |
| Tổng cộng | | 18 | 17 | 84,452 | 1,821 | 1,673 | 1,821 | 1,673 | 2,010 | 1,804 | 3,981 | 4,211 | 1,920 | 1,718 |

NHU CẦU VẮC XIN, VẬT TƯ TIÊM CHỦNG NĂM 2019

| TT | Đơn vị | Vắc xin | | | | | | | | | | Dụng cụ tiêm chủng | | | | |
|-------------------|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|-------------|-------------|--------------------|--------------|-------------|----------|-------------|
| | | BCG | IPV | OPV | ComBE FIVE | DPT | Sởi | Viêm gan B | VN NB | Sởi-Rubella | Uốn ván | BKT 0,1ml | BKT 0,5 ml | BKT 5ml | BKT 1ml | Hộp an toàn |
| 1 | TT Mèo Vạc | 230 | 230 | 680 | 666 | 320 | 230 | 230 | 1070 | 320 | 680 | 22 | 3746 | 185 | 0 | 41 |
| 2 | Pà Vi | 120 | 120 | 340 | 338 | 140 | 120 | 120 | 560 | 140 | 340 | 113 | 1875 | 94 | 0 | 21 |
| 3 | Tà Lũng | 110 | 110 | 340 | 329 | 140 | 110 | 110 | 500 | 140 | 340 | 110 | 1777 | 86 | 0 | 20 |
| 4 | Sủng Trà | 130 | 130 | 380 | 378 | 160 | 130 | 130 | 590 | 160 | 380 | 126 | 2058 | 101 | 0 | 23 |
| 5 | Sủng Máng | 100 | 100 | 300 | 288 | 100 | 100 | 100 | 400 | 100 | 300 | 96 | 1484 | 70 | 0 | 17 |
| 6 | Lũng Chinh | 120 | 120 | 360 | 356 | 160 | 120 | 120 | 600 | 160 | 360 | 119 | 1990 | 100 | 0 | 22 |
| 7 | Giàng Chu Phìn | 150 | 150 | 460 | 441 | 180 | 150 | 150 | 650 | 180 | 460 | 147 | 2358 | 113 | 0 | 26 |
| 8 | Cán Chu Phìn | 200 | 200 | 580 | 572 | 220 | 200 | 200 | 780 | 220 | 580 | 191 | 2969 | 140 | 0 | 33 |
| 9 | Lũng Pù | 210 | 210 | 620 | 608 | 260 | 210 | 210 | 960 | 260 | 620 | 203 | 3334 | 164 | 0 | 37 |
| 10 | Khâu Vai | 220 | 220 | 660 | 644 | 220 | 220 | 220 | 930 | 220 | 660 | 215 | 3334 | 159 | 0 | 37 |
| 11 | Nậm Ban | 110 | 110 | 340 | 329 | 100 | 110 | 110 | 375 | 100 | 340 | 110 | 1571 | 70 | 0 | 18 |
| 12 | Niêm Sơn | 160 | 160 | 460 | 455 | 180 | 160 | 160 | 710 | 180 | 460 | 152 | 2462 | 121 | 0 | 27 |
| 13 | Niêm Tòng | 170 | 170 | 500 | 495 | 160 | 170 | 170 | 655 | 160 | 500 | 165 | 2476 | 116 | 0 | 27 |
| 14 | Tát Ngà | 130 | 130 | 400 | 383 | 120 | 130 | 130 | 600 | 120 | 400 | 128 | 1991 | 98 | 0 | 22 |
| 15 | Sơn Vĩ | 200 | 200 | 600 | 594 | 160 | 200 | 200 | 805 | 160 | 600 | 198 | 2918 | 137 | 0 | 32 |
| 16 | Xín Cái | 170 | 170 | 520 | 504 | 160 | 170 | 170 | 760 | 160 | 520 | 168 | 2613 | 126 | 0 | 29 |
| 17 | Thượng Phùng | 160 | 160 | 460 | 455 | 140 | 160 | 160 | 525 | 140 | 460 | 152 | 2199 | 99 | 0 | 24 |
| 18 | Pải Lũng | 130 | 130 | 380 | 365 | 160 | 130 | 130 | 600 | 160 | 380 | 122 | 2051 | 102 | 0 | 23 |
| Toàn huyện | | 2820 | 2820 | 8380 | 8200 | 3080 | 2820 | 2820 | 12070 | 3080 | 8380 | 2737 | 43206 | 2079 | 0 | 479 |